

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/DS-ST.

Ngày: 29/03/2022.

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Minh Cường

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Ngô Thị Yêm
2. Bà Nguyễn Thị Mai

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Xuân Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 122/2021/TLST-DS ngày 06/07/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT (*sau đây gọi tắt là S*); Trụ sở: 266-268 NKKK, phường VTS, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh V – Giám đốc S Chi nhánh Hà Nội (Theo Quyết định ủy quyền số 3977/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020)

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

Ông Ngô Tuấn A – Nhân viên S (Theo Giấy ủy quyền số 55/2021/GUQ-CNHN ngày 08 tháng 05 năm 2021 - có mặt tại phiên tòa)

Ông Mai Hữu T – Phó phòng giao dịch BT - S chi nhánh Hà Nội (Theo Giấy ủy quyền số 26/2022/GUQ-CNHN ngày 28 tháng 03 năm 2022 - có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Quỳnh N – Sinh năm 1981; Hộ khẩu thường trú: Thôn MH, xã ML, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Tháng 9/2011, bà Phạm Thị Quỳnh N ký với Ngân hàng TMCP SGT Chi nhánh 8-3 Hà Nội Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Căn cứ thu nhập của khách hàng, S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000đ với mục đích tiêu dùng. Khách hàng bắt đầu giao dịch từ tháng 10/2011. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng khách hàng đã nhiều lần phát sinh trễ hạn các kỳ thanh toán. Kể từ kỳ thanh toán cuối cùng là tháng 11/2012 đến nay khách hàng không thanh toán bất kỳ một khoản nào cho S. S đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 28/03/2022, bà Phạm Thị Quỳnh N còn nợ S 148.692.970đ, trong đó: Nợ gốc 32.114.071đ; Nợ lãi quá hạn 113.578.899đ.

S đã nhiều lần đôn đốc nhưng khách hàng không trả nợ. Nay S đề nghị Tòa án buộc hoàn trả toàn bộ số nợ trên.

* Bị đơn, bà Phạm Thị Quỳnh N không có mặt theo giấy triệu tập của tòa án.

Tại phiên tòa:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí buộc bị đơn phải chịu loại án phí có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn, bà Phạm Thị Quỳnh N không có mặt thường xuyên tại nơi cư trú do đó các văn bản tố tụng của Tòa án được tiến hành niêm yết và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Tháng 9/2011, bà Phạm Thị Quỳnh N ký với Ngân hàng TMCP SGT Chi nhánh 8-3 Hà Nội Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Theo đó, S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000đ với mục đích tiêu dùng cho bà Phạm Thị Quỳnh N. Bà N bắt đầu giao dịch từ tháng 10/2011, lần cuối cùng thanh toán là tháng 11/2012, S đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 28/03/2022, bà Phạm Thị Quỳnh N còn nợ S 148.692.970đ, trong đó: Nợ gốc 32.114.071đ; Nợ lãi quá hạn 113.578.899đ.

Xét thấy: Tại thời điểm giao kết Hợp đồng tín dụng các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Bên cấp thẻ tín dụng có đầy đủ tư cách pháp nhân; bên được cấp thẻ có đủ năng lực hành vi dân sự. Hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp qui định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội do đó hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết.

+ Về số nợ gốc: Bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ do đó buộc bên vay trả toàn bộ số nợ gốc còn lại cho S là 32.114.071 đồng

+ Về số nợ lãi: Đối chiếu với bảng sao kê tiền lãi do S nộp cho Tòa án thì thấy việc tính lãi của Hợp đồng trên đã đúng nên không cần điều chỉnh lại do đó buộc bên vay trả nợ lãi cho S 113.578.899 đồng.

[3] Về án phí:

[3.1] Bị đơn phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước.

[3.2] Hoàn trả lại cho S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 467, 468, 470, 471, 473, 474 Bộ luật dân sự 2005; điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT đối với bà Phạm Thị Quỳnh N.

2. Buộc bà Phạm Thị Quỳnh N trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT (tính đến ngày 28/03/2022) tổng số tiền là 145.692.970 đồng, trong đó: Nợ gốc 32.114.071 đồng; Nợ lãi quá hạn 113.578.899 đồng.

3. Kể từ ngày 29/03/2022, bà Phạm Thị Quỳnh N hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất thỏa thuận với S ghi trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tháng 9 năm 2011.

4. Án phí :

+ Buộc bà Phạm Thị Quỳnh N phải nộp 7.284.000đ (bảy triệu, hai trăm tám tư nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

+ Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT 3.351.000đ (ba triệu, ba trăm năm một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2020/0045408 ngày 05/07/2021 của Chi cục Thi hành án huyện Đông Anh.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS. huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Minh Cường